| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH TRÌ**<br>THÀNH PHỐ HÀ NỘI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **146/**2024/DS-ST
Ngày: 26/12/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Hữu Nam**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Anh Đức**.

Ông **Trần Văn Vinh**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mai** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì*** *tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2024/ TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S.**

Trụ sở: Số .. - .., đường N, phường V, Quận .., Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà **N.Đ.T.D** - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng S**. Trụ sở: Số .., đường N, phường V, Quận .., Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông **L.N.T** - Tổng Giám đốc, theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **N.V.K.C** - Phó Tổng Giám đốc, theo Giấy ủy quyền số 775/2023/GUQ-TGĐ ngày 13/9/2023. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **N.T.H** - Nhân viên, theo Giấy ủy quyền số 4939/2023/UQ-TGĐ ngày 24/12/2023. - *Xin vắng mặt.*

*2. Bị đơn:* Anh **V.T.B**, sinh năm 19... - *Vắng mặt.*

Nơi thường trú: Thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện ngày 17/9/2024, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Bản tự khai ngày 24/12/2024, nguyên đơn là **Ngân hàng TMCP S** và người đại diện trình bày:

Ngày 29/01/2015, anh V.T.B có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với Ngân hàng TMCP S. Căn cứ thu nhập của anh B, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 159.661.344 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 180.082.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng), ngày 16/9/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng). Lãi quá hạn: 2,15%/tháng x 150% = 3,225%/tháng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây: Buộc anh B phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/12/2023 là 239.391.664 đồng, trong đó: Dư nợ gốc là 78.048.118 đồng, lãi quá hạn là 161.343.546 đồng. Anh B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/12/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn là anh **V.T.B** đã được tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để anh B biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập anh B đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, anh B không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do anh B không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP S xin vắng mặt, có văn bản yêu cầu Tòa án buộc anh B thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 26/12/2024 là 270.519.306

đồng, gồm nợ gốc là 78.048.118 đồng, lãi quá hạn là 192.471.188 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh B thanh toán được toàn bộ khoản vay. Anh B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nguyên đơn các khoản tiền tính đến ngày 26/12/2024 gồm: Nợ gốc là 78.048.118 đồng, tiền lãi quá hạn là 192.471.188 đồng, tổng là 270.519.306 đồng. Về án phí: Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với anh V.T.B, thường trú tại thôn Tự Khoát, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn xin vắng mặt; anh V.T.B là bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng: Ngày 29/01/2015, anh V.T.B ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, với hạn mức tín dụng mong muốn là 100.000.000 đồng. Ngày 05/02/2015, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Thủ Đô chấp thuận đề nghị và phê duyệt cấp thẻ tín dụng cho anh B hạn mức là 100.000.0000 đồng. Kèm theo hợp đồng là bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 15/8/2014, trong đó tại các Điều 1.9, 16, 18, 19, 20, 23 và 24 có quy định: “Dư nợ thẻ (gọi tắt là dư nợ) là

tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ"; "Chủ thẻ phải theo dõi tổng dư nợ của mình để không vượt hạn mức được phê duyệt vào bất cứ thời điểm nào. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch và tiền phí phát sinh do vượt quá hạn mức"; "Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên Thông báo"; "Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ"; "Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ"; "Khi sự kiện vi phạm xảy ra. Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại); Tiến hành áp dụng một hoặc nhiều biện pháp đề thu hồi nợ kể cả việc khởi kiện Chủ thẻ;…"; "Bên cạnh lãi suất, chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến thẻ". Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 v/v thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank, mức lãi suất mới là 2,15%/tháng. Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng được ban hành theo Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Hợp đồng tín dụng đã giao kết thuộc loại có kỳ hạn trả nợ là 01 tháng. Vào ngày 10 hàng tháng, Ngân hàng TMCP S gửi thông báo giao dịch thẻ cho anh V.T.B gồm các thông tin về dư nợ đầu kỳ, ngày giao dịch, số tiền giao dịch, nợ phát sinh trong kỳ, phí và lãi, khoản đã thanh toán, số tiền phải thanh toán tối thiểu, dư nợ cuối kỳ để anh B biết và thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước ngày 25 của tháng tiếp theo. Ngày 05/02/2015, Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng cho anh B với hạn mức là 100.000.000 đồng. Theo Tóm tắt sao kê tài khoản của anh B, từ ngày 15/02/2015 đến ngày 26/12/2024, anh B đã thực hiện các giao dịch thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ, với tổng số tiền là 159.661.344 đồng, phải chịu tiền lãi trong hạn là 80.249.027 đồng, phí trễ hạn là 12.942.747 đồng, phí vượt hạn mức là 250.000 đồng, phí khác là 5.027.000 đồng, tổng số tiền là 258.130.118 đồng, anh B chỉ trả được 180.082.000 đồng, dư nợ thẻ chuyển quá hạn là 78.048.118 đồng. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh B trả số tiền nợ gốc là 78.048.118 đồng, anh B không có ý kiến phản đối. Xét yêu cầu

của Ngân hàng phù hợp với quy định tại khoản 1.9 Điều 1 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, căn cứ vào Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S, buộc anh B trả số nợ gốc tính đến ngày 26/12/2024 là 78.048.118 đồng.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi quá hạn: Ngày cuối cùng anh V.T.B trả nợ là ngày 15/8/2018, số tiền 4.000.000 đồng. Căn cứ Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng có quyền chuyển sang nợ quá hạn ngay lập tức. Tuy nhiên, trong kỳ hạn trả nợ tiếp theo, Ngân hàng chỉ tính lãi trong hạn, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí khác là tạo điều kiện cho anh B có thể trả được nợ và tiếp tục sử dụng thẻ tín dụng. Tuy nhiên, anh B không trả được nợ, nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh B kể từ ngày 16/9/2018 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh B trả số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/9/2018 đến ngày 26/12/2024 là 192.471.188 đồng. Anh B không có ý kiến phản đối. Xét yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với quy định tại Điều 23 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S, buộc anh B phải trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 26/12/2024 là 192.471.188 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 5.985.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp; anh B phải trả Ngân hàng TMCP S 270.519.306 đồng, nên phải chịu 13.525.965 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng được ban hành theo Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;*

*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;*

*Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.*

**Xử**:

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc đòi anh V.T.B trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 29/01/2015. Buộc anh V.T.B trả Ngân hàng TMCP S các khoản tiền tính đến ngày 26/12/2024 gồm: Nợ gốc là 78.048.118 đồng, tiền lãi quá hạn là 192.471.188 đồng, tổng số tiền là 270.519.306 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, năm trăm mười chín nghìn, ba trăm linh sáu đồng).

**2**. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

**3**. Về án phí:

3.1. Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền 5.985.000 đồng (Năm triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0056282 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

3.2. Anh V.T.B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.525.965 đồng (Mười ba triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng).

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5**. Ngân hàng TMCP S, anh V.T.B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Hữu Nam**